

Số: /BC-PCTT

Cao Bằng, ngày tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai

Thực hiện nhiệm vụ giao của Ban Chỉ huy PTDS, Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Cao Bằng về việc rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai theo nội dung Văn bản số 313/VPTT ngày 30/6/2021 của Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai. Văn phòng TT Ban Chỉ huy PTDS, Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh báo cáo với những nội dung như sau:

1. Rà soát, cập nhật thông tin

(Chi tiết như phụ lục: 1 đến 11 kèm theo)

2. Những khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất

(Chi tiết như phụ lục 12 kèm theo)

3. Công tác phòng, chống lũ quét, sạt lở đất của địa phương

- Thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết, thông báo kịp thời cho nhân dân khi có thông tin cơn bão, tuyên truyền cho nhân dân nhận thức được sự ảnh hưởng của thời tiết, chủ động ứng phó với các điều kiện thời tiết bất thường có thể xảy ra. Rà soát nhà ở nhân dân, cơ sở hạ tầng trong khu vực có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng lũ quét, sạt lở đất, khu vực dân cư sống ven sông, suối; kịp thời phát hiện những biểu hiện bất thường, các sự cố, cấm biển cảnh báo nguy hiểm, bố trí lực lượng kiểm soát, cương quyết không để người dân ở lại những khu vực đã xác định có nguy cơ lũ quét, sạt lở cao.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ gia đình di dời nhà cửa, tài sản ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét trước mùa lũ.

- Thường xuyên kiểm tra các địa điểm xung yếu, tổ chức khơi thông dòng chảy đảm bảo thông thoáng.

- Xây dựng, gia cố, sửa chữa các công trình phòng, chống thiên tai.

4. Công tác ứng phó với lũ quét, sạt lở đất và khắc phục hậu quả

- Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các địa phương xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai.

- Triển khai các phương án phòng chống lũ quét, sạt lở đất và chủ động di dời dân cư ra khỏi các khu vực có nguy cơ, sẵn sàng nhân lực, vật tư trang thiết bị

theo phương châm “4 tại chỗ” đảm bảo kịp thời tiếp cận ứng cứu khi có tình huống xảy ra, nhất là lũ quét, sạt lở đất trên phạm vi rộng; bảo đảm an toàn hồ đập và xử lý các tình huống xấu có thể xảy ra.

- Huy động lực lượng, vật tư, phương tiện khắc phục hậu quả, chủ động bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý.

5. Những vấn đề quan tâm nhất của địa phương về lũ quét, sạt lở đất

Nhiều thôn xóm hiện nay đang sinh sống tại các chân núi, sườn đồi nguy cơ bị lũ quét, sạt lở đất, đá có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Vấn đề bố trí quỹ đất để bố trí các dự án di dân tập trung ra khỏi vùng thiên tai gặp rất nhiều khó khăn (không có mặt bằng), di dời theo hình thức xen ghép thực hiện theo chính sách được hỗ trợ rất ít không đảm bảo cho hộ dân thực hiện di dời.

Các biện pháp công trình để chống sạt lở rất tốn kém, chưa dám chắc về hiệu quả phòng, chống.

Nhận thức, phong tục của nhân dân còn thấp (nơi làm nhà ở phải gần đất sản xuất,...).

6. Kinh nghiệm về phòng, chống lũ quét, sạt lở đất tại địa phương

- Chỉ đạo việc tổ chức lực lượng, triển khai công tác chuẩn bị vật tư, phương tiện, hậu cần theo phương án, sẵn sàng ứng phó khi có tình huống xảy ra. Chủ động triển khai các nội dung chỉ thị, thông báo của cấp trên xuống cơ sở; rà soát, phân công các thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN phụ trách địa bàn; chuẩn bị lực lượng, phương tiện, chủ động đối phó với các tình huống thiên tai;

- Nghiêm túc trực 24/24 giờ trong thời gian diễn ra mưa bão tại cơ quan thường trực và các ngành thành viên. Đồng thời, liên tục cập nhật tình hình, diễn biến về thiên tai kịp thời, chính xác, báo cáo theo đúng quy định.

7. Các kiến nghị

- Tăng mức hỗ trợ di dời nhà ở đối với các hộ có nguy cơ xảy ra thiên tai.

- Tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí để đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai của địa phương.

Trên đây là báo cáo của Văn phòng TT Ban Chỉ huy PTDS, Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- Văn phòng TT Ban Chỉ đạo TWPCTT;
- Văn phòng UBND tỉnh; (B/c)
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu VP.

VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC

Ma Thị Huyền Linh
Phó Chỉ huy trưởng Chi cục Thủy lợi

Phụ lục 1:
SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN THEO CÁC CẤP BẢO NĂM 2021
TỈNH CAO BẰNG

TT	Cấp Huyện	Bảo cấp độ 3				Bảo cấp độ 4				Bảo cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Huyện Hà Quảng												
2	Huyện Hòa An	260	1011	25	100								
3	Huyện Nguyên Bình												
4	Huyện Trùng Khánh												
5	Huyện Hạ Lang					652	2.696	129	381	59	158	5.829	25.509
6	Huyện Thạch An	2.955	11.435	1.109	4547	912	3.735	1.432	5.850	527	2.352	1.697	6.840
7	Huyện Quảng Hòa												
8	Huyện Bảo Lạc	803	4.016	545	2.598	626	3.024	711	3.466	683	3.250	1.432	6.858
9	Huyện Bảo Lâm	1.458	5.461	3.250	16.661	1.363	4.695	3.250	16.532	2.659	2.606	4.240	15.207
10	Thành phố Cao Bằng												
Tổng cộng		5.476	21.923	4.929	23.906	3.553	14.150	5.522	26.229	3.928	8.366	13.198	54.414

Phụ lục 2:
SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN THEO CÁC CẤP BẢO ĐỘNG LŨ
TỈNH CAO BẰNG

(áp dụng với Sông Gâm- huyện Bảo Lạc, Sông Bằng- các huyện Hà Quảng, Hòa An, thành phố Cao Bằng)

TT	Cấp Huyện	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Huyện Hà Quảng	10	44			57	243					126	543
2	Huyện Hòa An	206	849					101	441				
3	Huyện Bảo Lạc	17	85	354	1435	23	111	332	1.342	32	159	30	141
4	Thành phố Cao Bằng			214	791	14	50	495	1677			1.144	3.908
	Toàn Tỉnh	233	978	568	2.226	94	404	928	3460	32	159	1.300	4.592

Phụ lục 3:
TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỊA ĐIỂM SƠ TÁN DÂN TẬP TRUNG
TỈNH CAO BẰNG

TT	Địa điểm	Vị trí				Phạm vi di chuyển đến (km)	Sức chứa (người)	Trang bị phòng chống dịch covid (Khẩu trang, sát khuẩn)
		Hội trường	Nhà Văn hóa	Trường học	Trụ sở tôn giáo, Quân sự			
A	Thiên tai cấp độ 3	60	403	268	2		17.155	
1	Huyện Hòa An	4	20	6		0-4	1.045	Khẩu trang sát khuẩn
2	Huyện Hạ Lang	13	13	15		0-5		x
3	Huyện Thạch An	10	69	45		0-3		x
4	Huyện Bảo Lạc	8	50	42		0-15	10.570	x
5	Huyện Bảo Lâm	13	145	131		0-4		
6	Thành phố Cao Bằng	12	106	29	2	0-5	5.540	
B	Thiên tai cấp độ 4	45	387	258	2		16.310	
1	Huyện Thạch An	12	83	54		0-12		x
2	Huyện Bảo Lạc	8	53	44		0-15	10.770	x
3	Huyện Bảo Lâm	13	145	131		0-4		
4	Thành phố Cao Bằng	12	106	29	2	0-5	5.540	
Tổng		105	790	526	4		33.465	

Phụ lục 4:
TỔNG HỢP SỐ LIỆU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CHÍNH
TỈNH CAO BẰNG

TT	Địa bàn	Lúa (ha)	Hoa màu (ha)	Cây lâu năm (Ha)	Rừng sản xuất (ha)	Đàn gia súc (con)	Đàn gia cầm (con)
1	Huyện Hà Quảng	2.500	5.551			94.047	373.129
2	Huyện Hòa An	1.557,7	511,12	277,72	5.336,36	9.004	107.118
3	Huyện Nguyên Bình	2.523	3.307	1.075		49.418	176.057
4	Huyện Trùng Khánh	5.851	6.364,43		6.755,1	87.461	323.317
5	Huyện Hạ Lang	1.870	1.653	48,54		12.336	130.000
6	Huyện Thạch An	1.749	1.704	469,73	5.138,6	29.085	203.135
7	Huyện Quảng Hòa	2.892,90	10.625,57			62.767	422.815
8	Huyện Bảo Lạc	2.457	2.020	4.215	10.140	58.105	313.150
9	Huyện Bảo Lâm	2.300	5.460		300	31.289	335.000
10	Thành phố Cao Bằng	1.484,3		661,8	2.589	10.342	173.185
	Tổng	25.184,9	37.196,12	6.747,79	30.259,06	443.854	2.556.906

Phụ lục 5:
PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN VÙNG NGUY CƠ CAO VỀ SẠT LỞ ĐẤT, LŨ QUÉT
TỈNH CAO BẰNG

TT	Địa bàn	Sạt lở bờ sông, bờ biển		Lũ quét		Sạt lở núi		Vùng thường xuyên chia cắt, ngập sâu	
		Số hộ	Số người	Số hộ	Số người	Số hộ	Số người	Số hộ	Số người
1	Huyện Hà Quảng								
2	Huyện Hòa An	10	40	2	7	351	1.596	13	57
3	Huyện Nguyên Bình			18	66	70	240		
4	Huyện Trùng Khánh			703	2.812	210	840		
5	Huyện Hạ Lang	5	26	139	579	179	692	285	1.237
6	Huyện Thạch An	26	75	42	123	177	661	44	160
7	Huyện Quảng Hòa	15	45	30	119	2	10		
8	Huyện Bảo Lạc	95	457	230	970	153	799	5	30
9	Huyện Bảo Lâm	192	809	523	2.367	210	950	94	316
10	Thành phố Cao Bằng			5	23	124	412	134	481
Tổng		343	1.452	1.692	7.066	1.476	6.200	575	2.281

Phụ lục 6:
VẬT TƯ, PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ỨNG PHÓ THIÊN TẠI
TỈNH CAO BẰNG

TT	ĐỐI TƯỢNG	ĐV	Tổng	Hà Quảng	Hòa An	Nguyên Bình	Trùng Khánh	Hạ Lang	Thạch An	Quảng Hòa	Bảo Lạc	Bảo Lâm	TP. Cao Bằng
1	Vật tư												
	- Đá hộc	m ³	34.400		750		15.000	100	200		3.000	15.350	
	- Đá dăm, sỏi	m ³	12.722		230		8.000	80	500		2.120	1.792	
	- Cát	m ³	8.059		322		3.000	50	1.000		1.935	1.752	
	- Đất	m ³	115.040		720		100.000		5.000		5.352	3.968	
	- Rọ thép	cái	6.151		140				150		1.610	4.251	
	- Bao tải	chiếc	54.431		6.728		5.000	6.190	10.000		19.510	6.943	60
	- Vải bạt	m ²	39.846		4.776		3.000	1.450	1.000		6.450	23.170	
	- Tôn lợp	m ²	22.086		1.420		5.000	560	1.000		9.120	4.986	
	- Các vật tư khác		1.520								1.520		
2	Trang thiết bị												
	- Nhà bạt cứu sinh	Cái	262	1	40	5	8			1	26	181	
	- Phao áo cứu sinh	Cái	1.672	30	150	30	100			30	103	1.030	199
	- Phao tròn cứu sinh	Cái	1.376	15	215					15	130	1.000	1
	- Máy phát điện	Cái	194	2	2		8	7		2	20	47	108
	- Áo mưa chuyên dùng	Cái	7.353	68	550				2.500	68	2.290	1.945	
	- Flycam	Cái	28								4	19	5
	- Loa cầm tay	Cái	380	2	28		8		50	2	18	74	200
	- Dây thừng	m	40.083		3.227		2.000	1.750	15.000		9.600	8.506	
	- Máy Icom	cái	29		16						4	9	

	- Các trang thiết bị khác	...	150	100						100	50		
3	Phương tiện												
	- Xe cứu hộ các loại	Chiếc	8									8	
	- Xe chữa cháy	Chiếc											
	- Tàu, thuyền cứu nạn	Chiếc	6									6	
	- Ca nô	Chiếc	3						2				1
	- Số ô tô có thể huy động	Cái	539	22	39	61	234	47	29	22	63	13	9
	+ Xe 45 chỗ	Cái	4				4						
	+ Xe 25-29 chỗ	Cái	28	3			8	8	2	3	4		
	+ Xe 16 chỗ	Cái	35	3	1		20		5	3	2		1
	+ Xe 4-7 chỗ	Cái	468	16	38		200	39	22	16	57	75	5
	- Số ô tô tải	Cái	613	18	55		300	17	50	18	80	41	34
	- Số xe (ủi, xúc)	Cái	300	12	14	25	35	6	20	12	58	102	16
	- Xe cứu thương	Cái	20	4		3	6	1		4	1		1

Ghi chú: Số lượng vật tư, phương tiện, trang thiết bị có thể huy động để ứng phó

Phụ lục 7:
TỔNG HỢP PHƯƠNG TIỆN DỰ KIẾN HUY ĐỘNG BẢO VỆ CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM
TỈNH CAO BẰNG

TT	Đơn vị	Phương tiện phục vụ bảo vệ công trình trọng điểm								Tổng nhân lực
		Máy xúc	Ô tô tải	Xe ben	Máy cưa	Dao, búa	Máy Kéo	Xe ủi	Khác	
1	Huyện Hà Quảng	12	18			10			90	130
2	Huyện Hòa An	8	28	13	104	470	3			562
3	Huyện Nguyên Bình	25	61		256	1.964			13.709	16.015
4	Huyện Trùng Khánh									
5	Huyện Hạ Lang	8	22	18	80	870	1	1		1.000
6	Huyện Thạch An	43	62	43	1.125	3.142	25	3	5	3.070
7	Huyện Quảng Hòa									
8	Huyện Bảo Lạc	47	65	41	590	4.567	27	10	160	2.782
9	Huyện Bảo Lâm	86	76	118	232	3.404	15	0	139	4.070
10	Thành phố Cao Bằng	22	28	47						962
Tổng Cộng		251	360	280	2.387	14.427	71	14	14.103	28.591

Phụ lục 8:
NGUỒN NHÂN LỰC HUY ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI NĂM 2021
TỈNH CAO BẰNG

Đơn vị tính: người

TT	LỰC LƯỢNG	TỔNG CỘNG	Hà Quảng	Hòa An	Nguyên Bình	Trùng Khánh	Hạ Lang	Thạch An	Quảng Hòa	Bảo Lạc	Bảo Lâm	TP. Cao Bằng
(1)	(2)	(3)	(4)									
1	Quân đội (tinh đội, huyện đội)	812	45	30	265	80	20	250	45	35	42	
2	Bộ đội biên phòng	412	35			120	102	90	35	30		
3	Công an	1.478	75	227	251	150	210	150	75	135	193	12
4	Y tế	1.418	105	243	373	83	197	120	105	111	69	12
5	Thanh niên tình nguyện	5.805	120	573	939	1.000	718	200	120	1.648	447	40
6	Doanh nghiệp huy động	478	50	54	5	200	7	50	50	37	25	
7	Hội chữ thập đỏ	475	22	11	22	45	14	10	22	304	22	3
8	Dân quân tự vệ	5.296	588	751	1.163	525	514	250	588	575	302	40
9	Hội phụ nữ	9.736	46	3.039	935	3.000	146	280	46	1.698	496	50
10	Lực lượng xung kích	4.758	1.250	356		800	79	420	1.250	243	122	238
11	Hội nông dân, đoàn thể khác	7.526	85	4.473		1.500	159	300	85	500	384	40
12	Thành viên BCH, VPTT	2.367	510	209	380	31	253	35	510	307	49	83
13	Cán bộ công nhân viên chức	3.073	550	402	381	215	301	90	550	332	186	66
14	Lực lượng khác	2.837	300		1.574			50	300	588	15	10

Phụ lục 9:
THÔNG TIN VỀ NHU YẾU PHẨM
TỈNH CAO BẰNG

TT	Phạm vi	Lương thực, thực phẩm					Nước uống đóng chai	Nhiên liệu				Hóa chất khử trùng			Thiết bị xử lý nước	Dự trữ phòng chống dịch
		Lương khô	Mì tôm	Gạo	Thực phẩm	Đồ hộp		Chất đốt	Dầu Diesel	Xăng	Dầu hoả	Phèn chua	Clo ra min B	Vôi bột		
		gói	gói	kg	kg	kg		chai	kg	lít	lít	lít	tấn	viên		
1	Hà Quảng															
2	Hòa An	27.772	32.941	25.190	6.248	1.314	28.784	1.650	4.844	5.844	5.609	40	9.364	44	94	
3	Nguyên Bình															
4	Trùng Khánh															
5	Hạ Lang	1.700	23.750	114.250	400	300	690	118.810	100	100	200			1		
6	Thạch An	10.000	15.000	20.000	12.000	10.000	15.000	3.000	7.000	10.000	8.000	10	10.000	50	100	
7	Quảng Hòa															
8	Bảo Lạc	10.300	32.750	17.965	3.900	3.215	21.900	1.620	4.460	4.410	1.550	7	7.500	8	21	
9	Bảo Lâm	47.900	82.015	109.380	63.150	40.245	88.005	12.729	7.200	5.370	2.384	21	16.000	80	864	
10	TP. Cao Bằng											1	18.700			
Toàn Tỉnh		97.672	186.456	286.785	85.698	55.074	154.379	137.809	23.604	25.724	17.743	79	61.564	183	1.079	

Phụ lục 10:
NGUỒN NHÂN LỰC TẠI VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC BCH PCTT CÁC CẤP
TỈNH CAO BẰNG

TT	Tỉnh	Dưới đại học	Trình độ Đại học	Trên Đại học		Tổng	Kinh nghiệm trên 10 năm	Kinh nghiệm 5-10 năm	Ghi chú
				ĐT trong nước	ĐT nước ngoài				
I. CẤP TỈNH									
		2	9	2		13	12	1	
II. HUYỆN									
1	Hà Quảng	1	7	3		11	9	2	
2	Hòa An		15	4		19		10	
3	Nguyên Bình		5			5	2	3	
4	Trùng Khánh		21	6		27	25	2	
5	Hạ Lang		7	1				7	
6	Thạch An		20	3	01	20	5	15	
7	Quảng Hòa	1	7	3		11	9	2	
8	Bảo Lạc		3	2		5		5	
9	Bảo Lâm		6			6	3	3	
10	TP. Cao Bằng		6	1		7	5	2	

Phụ lục 11
CÁC TRẬN LŨ QUÉT, SẠT LỖ ĐẤT LỚN ĐÃ XẢY RA TỪ 2016 ĐẾN 2020
TẠI TỈNH CAO BẰNG

1. Thông tin về các trận lũ quét, sạt lở đất đã xảy ra từ năm 2016 đến 2020:

TT	Thời gian xảy ra (Ngày/tháng/năm)	Địa điểm <i>Thôn (bản)/Xã/ huyện</i>	Nguyên nhân chính	Thiệt hại	Ảnh hưởng đến cuộc sống người dân và phát triển KTXH	Nguy cơ xảy ra tiếp
I	Lũ quét					
1	Ngày 03/8/2018	Xóm Bản Hoong, Pác Bó, xã Trường Hà, Hà Quảng	Mưa to cục bộ	Hoa màu, cơ sở hạ tầng		
2	Tháng 6 hàng năm	Cốc Lùng, xã Nam Tuấn, Hòa An	Mưa to đầu mùa mưa	Thuốc lá, ngô, mạ non	Có ảnh hưởng	Tháng 6 hàng năm
3	Năm 2012	Xóm Lũng Mười, xã Quang Thành, Nguyên Bình	Lũ quét	Chết 02 người		
4	năm 2019	Xóm Phia Tọc, xã Thê Dục; xóm Khuổi My, xã Ca Thành	Lũ quét	Chết 02 người		
II	Sạt lở đất					
1	25/6/2021	Tổ dân phố 4, TT Thông Nông, Hà Quảng	Mưa to nhiều ngày	Cơ sở hạ tầng (Trạm bơm)		
2	12-13/6/2019	Bản Gùn, Nà Tú, Bản Phiếu, xã Ngũ Lão, Hòa An	Mưa to, mưa kéo dài	Sạt lở đất đá xuống nhiều tuyến đường GTNT gây ách tắc cục bộ.	Người dân đi lại khó khăn, bị tắc đường	Có nguy cơ
3	Năm 2016	Xóm Long khang, xã Đức Long, Hòa An	Do mưa to	Sạt lở đất làm hỏng đường	Ảnh hưởng đến giao thương hàng hóa và đi lại	Có nguy cơ
4	Năm 2016	Xóm Sông Bằng, Nà Tổng, Khuổi Linh, xã Hồng Nam, Hòa An	Do mưa to	Làm hỏng mặt đường	Ảnh hưởng đến giao thương hàng hóa và đi lại	Có nguy cơ
5	Năm 2012	Xóm Tà Sa, xã Vũ Minh; taluy âm đường QL34 thuộc địa phận tổ dân phố 5 thị trấn Nguyên Bình, Nguyên Bình	Sạt lở đất taluy đường QL34	Chết 02 người;		
6	Năm 2017	Sạt lở đất trên tuyến đường TL 202 Nguyên Bình - Khu rừng Trần Hưng Đạo (Đoạn qua xã Tam Kim), Nguyên Bình	Sạt lở đất do đang thi công tuyến đường	01 người chết và 02 người bị thương		
7	28/8/2017	Xã Vinh Quý, Hạ Lang	Mưa to	Sập lún Nhà		

8	09/10/2017	Xã Kim Loan, Hạ Lang	Mưa to	Vùi lấp		
9	05/11/2018	Xã Minh Long, Lý Quốc, Đồng Loan và Thắng Lợi, Đức Quang, Hạ Lang	Mưa to	Ảnh hưởng hoa màu, vật nuôi		
10	29/ 5 /2019	14/14 xã, Hạ Lang	Mưa to	Ảnh hưởng hoa màu		
11	14,15/ 7/2019	Xã Vinh Quý, Việt Chu, Hạ Lang	Mưa to	Ảnh hưởng hoa màu		
12	31/7/2017	Nậm Nà, Nậm Vai, Xuân Thắng xã Kim Đồng, Thạch An	Mưa to kéo dài	Đất ở		x
13	2016	Khuổi Kẹn xã Thái Cường, Thạch An	Mưa nhiều, taluy có độ dốc cao		Gây ách tắc giao thông tại các tuyến đường bị sạt lở	
14	2017	Têm Tăng xã Thái Cường, Thạch An	Mưa nhiều, taluy có độ dốc cao		Gây ách tắc giao thông tại các tuyến đường bị sạt lở	
15	2018	Nà Luông xã Thái Cường, Thạch An	Mưa nhiều, taluy có độ dốc cao		Gây ách tắc giao thông tại các tuyến đường bị sạt lở	
16	2019	Phiêng Un xã Thái Cường, Thạch An	Mưa nhiều, taluy có độ dốc cao		Gây ách tắc giao thông tại các tuyến đường bị sạt lở	
17	05/8/2017	Kéo Quý, Thạch An	Mưa to, gió lốc		Sạt lở taluy, nứt tường nhà ở	
18	14/8/2017	Cầu Lặn , Thạch An	Mưa to, gió lốc		Sạt lở taluy, thiệt hại nhà ở	
19	14/8/2017	Kéo Quý, Thạch An	Mưa to, gió lốc		Sạt lở đất ruộng, Sạt lở đất nhà ở. Di dời nhà	
20	14/8/2017	Bản Tuôm, Thạch An	Mưa to, gió lốc		Sạt lở taluy, thiệt hại nhà ở	
21	7/2017	Nà Mu xã Quang Trọng, Thạch An	Sạt lở gần bờ sông	Không có thiệt hại		
22	9/2018	Đức Hạnh xã Quang Trọng, Thạch An	Sạt lở đất đồi	Không có thiệt hại		
23	2016	Xóm Lũng Xóm, Thạch An	Mưa nhiều, taluy có độ dốc cao		Gây ách tắc giao thông tại các tuyến đường bị sạt lở	

24	2017	Xóm Phạc Sliển, Thạch An	Mưa nhiều, taluy có độ dốc cao		Gây ách tắc giao thông tại các tuyến đường bị sạt lở	
25	2018	Xóm Nà Ảng, Thạch An	Mưa nhiều, taluy có độ dốc cao		Gây ách tắc giao thông tại các tuyến đường bị sạt lở	
26	12-15/7/2019	Xóm Bản Mới, xã Mỹ Hưng, Quảng Hòa	Mưa to cục bộ	Hoa màu, cơ sở hạ tầng, nhà cửa		
27	15/01/2020	Xóm Bản Phò, xã Quảng Hưng, Quảng Hòa	Mưa to cục bộ	Hoa màu, cơ sở hạ tầng, nhà cửa		
28	24/4/2020	Xóm Nà Lò, xã Bé Văn Đàn, Quảng Hòa	Mưa to cục bộ	Hoa màu, cơ sở hạ tầng, nhà cửa		
29	Năm 2018, 2020	Xóm Bản Lũng, Nà Xiêm, xã Bảo Toàn, Bảo Lạc	Mưa kéo dài	Nhà ở (đã hỗ trợ di dời)	Ảnh hưởng đến nhà cửa	
30	8/2019; 4, 8, 9/2020	Xóm Nà Luông, Lũng Piao, Bản Diêm, xã Khánh Xuân, Bảo Lạc	Mưa kéo dài	Nhà ở	Ảnh hưởng đến nhà cửa	có nguy cơ
31	7/2017; 6/2020	Xóm Phần Quang, xã Phan Thanh, Bảo Lạc	Mưa kéo dài	Hoa màu 1 (ha)	Mất năng xuất	có nguy cơ

2. Những khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất:

Phụ lục 12

TT	Địa điểm (Thôn (bản)/Xã/ huyện)	Số hộ dân ảnh hưởng	Lũ quét	Sạt lở đất
1	Xóm Nà Tênh, xã Càn Nông, huyện Hà Quảng	5		x
2	Xóm (Má Chang, Héc Chang, Ca Rài, Lũng Ruốc, Lũng Rì, Lũng Thốc), xã Đại Tiến, Hòa An	303		x
3	Xóm (Canh Biện, Nặm Loát), xã Nguyễn Huệ, Hòa An	24		x
4	Xóm Long Khang, xã Đức Long, Hòa An	4		x
5	Xóm Sông Bằng, xã Hồng Nam, Hòa An	250		x
6	Xóm (Nà Tú, Nà Mán, Khuổi Khoán, Khuổi Hoi, Khuổi Quân, Bản Gũn, Bản Phiáy), xã Ngũ Lão, Hòa An	178		x
7	Xóm Cốc Lùng, xã Nam Tuấn, Hòa An	67	x	

8	Xóm (Tân Phong, Bản Viết Nà Vựa) xã Phong Châu, Trùng Khánh	139	x	x
9	Xóm (Pò Mười, Pác Mác, Thanh Lâm, Bản Khấy) xã Chí Viễn, Trùng Khánh	138	x	x
10	Xóm (Bản Thuôn, Khuổi Ky Bản Giốc) xã Đàm Thủy, Trùng Khánh	164	x	x
11	Xóm (Bản Mang, Sộc Chăng, Pác Thàn) xã Đoài Dương, Trùng Khánh	80	x	x
12	Xóm (Nà Phò, Phò Phước, Pác Thàn, Rông Tháy) xã Trung Phúc, Trùng Khánh	79	x	x
13	Xóm Trường Yên, xã Minh Long, Hạ Lang	37	x	x
14	Xóm (Thái Thông, Hùng Cầu, Bản Xà) xã Thắng Lợi, Hạ Lang	78	x	x
15	Xóm (Mò Nhân, Âu Kít, Khon Quang, Nam Lý) xã Kim Loan, Hạ Lang	25	x	x
16	Xóm (Lũng Cuồn, Xa Lê, Bó Chia, Nặm Tát, Kỳ Lạc) xã Quang Long, Hạ Lang	242	x	x
17	Xóm (Đoông Đeng, Bản Lạn – Nà Lụng, Nà Đẳng – Tính, Bản Ngay, Nà Kéo, Bản Khau, Phia Đán, Cốc Nhan, Bản Khu, Pò Măn, Đông Cầu, Thôm Quỳnh, Bản Nhãng, Ngườm Già) xã Thị Hoa, Hạ Lang	630	x	x
18	Xóm (Đông Nam, Làn Lừa, Khum Đin, Bắc Vọng) xã Vinh Quý, Hạ Lang	50	x	x
19	Xóm (Xuân Thắng, Bản Sộc, Nặm Nà, Chu Lăng Bó Chàm, Nà Vai, Nặm Nàng) xã Kim Đồng, Thạch An	11		x
20	Xóm (Tèm Tăng, Nà Luông, Phiêng Un, Khuổi Kẹn) xã Thái Cường, Thạch An	58		x
21	Xóm Chông Cá xã Minh Khai, Thạch An	3		x
22	Xóm (Cầu Lạn, Kéo Quý, Bản Tuôm, Tân Tiến, Nà Cát) xã Đức Thông, Thạch An	29		x
23	Xóm (Nà Mu, Nà Cọn, Hòa Thuận, Đức Hạnh) xã Quang Trọng, Thạch An	9		x
24	Xóm (Nà Tục, Pác Khoang, Nà Pá, Tục Ngã, Pác Lũng) xã Đức Xuân, Thạch An	42	x	x
25	Xóm (Bản Cấn, Nà Tán, Phạc Sliến, Nà Ảng, Lũng Mẩn) xã Vân Trình, Thạch An	67		x
26	Xóm (Bản Bung, Bản Pằng, Bản Nhận, Bản Siễn, Nà Tậu, Nà Niếng) xã Lê Lợi, Thạch An	101	x	x
27	Xóm (Thôn Slằng Péc, Thôn Nà Luông, Thôn Chang Khuyên, Tổ dân phố 1) Thị trấn Đông Khê, Thạch An	50	x	x

28	Xóm Nà Lếch, xã Mỹ Hưng, Quảng Hòa	2		x
29	Xóm Nặm Cốp, Phiêng Vàng, xã Huy Giáp, Bảo Lạc	2	x	x
30	Xóm Phiêng Châu 2, xã Đình Phùng, Bảo Lạc	5		x
31	Xóm Nà Tông, Bản Riễn, Riễn Thượng, Nà Chào, xã Hưng Đạo, Bảo Lạc	81	x	x
32	Xóm Nà Luông, Bản Diêm, Lũng Piao, xã Khánh Xuân, Bảo Lạc	19	x	x
33	Xóm Phàn Quang, xã Phan Thanh, Bảo Lạc	36	x	
34	Xóm Bản Riêng, Bản Khiếu, xã Sơn Lộ, Bảo Lạc	70		x
35	Xóm Ngâm Loomg, Khuổi Khon, Pác Puông, Phiêng Tác, xã Kim Cúc, Bảo Lạc	16	x	x
36	Xóm Nà Đuôn, xã Hồng Trị, Bảo Lạc	5		x
37	Xóm Khuổi sã, Nà Mía, xã Cốc Pàng, Bảo Lạc	4		x
38	Xóm Khau Sứ, xã Hưng Thịnh, Bảo Lạc	5		x
39	Xóm Khuổi Ngọa, Vằng Vạt xã Thái Học, Bảo Lâm	6	x	x
40	Xóm Nà Kiềng, Nặm Mièong, xã Quảng Lâm, Bảo Lâm	8		x
41	Xóm (Đon Sài, Nà Rình, Nà Đấng, Nà Khuổi Qua, Khuổi Hẩu, Nặm Ròm, Tổng Phườn, xã Nam Quang, Bảo Lâm	165	x	x